

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC



THUYẾT MINH

DỰ ÁN MỞ RỘNG KẾ HOẠCH KINH DOANH CỦA CÔNG TY PHÂN BÓN HỮU CƠ VI SINH



Long An - Tháng 4 năm 2011

CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHỦ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN

I.1. Giới thiệu chủ đầu tư

- Tên công ty:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
- Giấy chứng nhận đăng ký thuế:
- Nơi cấp :
- Ngày cấp :
- Trụ sở công ty: Tp Hồ Chí Minh
- Đại diện pháp luật công ty:
- Chức vụ: Giám đốc đại diện pháp luật kiêm Giám đốc kinh doanh
- Điện Thoại: ; Fax:

I.2. Mô tả

- Tên dự án: Dự án mở rộng kế hoạch kinh doanh của công ty phân bón hữu cơ vi sinh
- Hình thức đầu tư: Mở rộng kế hoạch kinh doanh
- Quy mô: Toàn quốc

I.3. Cơ sở pháp lý triển khai dự án

I.3.1. Các văn bản pháp quy về quản lý đầu tư

- Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Luật Nhà ở 56/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Luật thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Nghị định số 113/2003/NĐ-CP về việc quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón do Chính phủ ban hành ngày 07/10/2003;
- Quyết định số 12/1998/QĐ-TTg về điều hành xuất khẩu gạo và nhập khẩu phân bón năm 1998 do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 23/01/1998;
- Nghị định số 191/2007/NĐ-CP ngày 31/12/2007 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về việc quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón;
- Quyết định số 100/2003/QĐ-BNN về việc ban hành Quy định về quản lý phân bón do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành ngày 08/9/2003;
- Nghị định số 57/1997/NĐ-CP của chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng hàng hóa;
- Thông tư số 40/2010/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 6 năm 2010 về việc ban hành “Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất,kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam”;
- Thông tư số 36/2010/TT-BNNPTNT ngày 24/6/2010 về việc Quy định sản xuất, kinh doanh và sử dụng phân bón;
- Công văn số 415/TT-PCTTr ngày 14 tháng 05 năm 2007 về việc kiểm tra chất lượng phân bón;
- Công văn số 1612/TM-ĐT ngày 26/04/2002 của Bộ Thương mại về việc thuế suất thuế nhập khẩu phân bón ban hành ngày 26/04/2002;

- Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 84/2007/QĐ-BNN ngày 04/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính Phủ về thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 của Chính phủ Qui định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng;
- Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;
- Các văn bản khác của Nhà nước liên quan đến lập Tổng mức đầu tư, tổng dự toán.

I.3.2. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn về kinh doanh phân bón

Dự án mở rộng kế hoạch kinh doanh của công ty phân bón hữu cơ vi sinh ... được thực hiện trên cơ sở những tiêu chuẩn, quy chuẩn chính như sau:

- TCVN 7185:2002 : Phân hữu cơ vi sinh;
- TCVN 7159:2002 : Phân bón và chất cải tạo đất. Phân loại;
- TCVN 7288:2003 : Phân bón. Ghi nhãn. Cách trình bày và công bố;
- TCVN 7304-1:2003 : Chế phẩm sinh học. Phần 1: Vi sinh vật xử lý hàm cầu vệ sinh. Chế phẩm dạng bột;
- TCVN 7304-2:2003 : Chế phẩm sinh học. Phần 2: Vi sinh vật xử lý hàm cầu vệ sinh. Chế phẩm dạng lỏng;
- TCVN 2622-1995 : PCCC cho nhà, công trình yêu cầu thiết kế;
- TCVN-62:1995 : Hệ thống PCCC chất cháy bột, khí;
- TCVN 5576-1991 : Hệ thống cấp thoát nước - quy phạm quản lý kỹ thuật;
- TCXD 51-1984 : Thoát nước - mạng lưới bên trong và ngoài công trình
- TCXD 188-1996 : Nước thải đô thị -Tiêu chuẩn thải;
- TCVN 4474-1987 : Tiêu Chuẩn Thiết kế hệ thống thoát nước trong nhà;
- TCVN 4473:1988 : Tiêu Chuẩn Thiết kế hệ thống cấp nước bên trong;

- TCVN 4513-1998 : Cấp nước trong nhà;
- TCVN 6772 : Tiêu chuẩn chất lượng nước và nước thải sinh hoạt;
- TCVN 188-1996 : Tiêu chuẩn nước thải đô thị;
- TCXD 25-1991 : Tiêu chuẩn đặt đường dây dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng;

CHƯƠNG II: NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG

II.1. Tổng quan nền kinh tế Việt Nam

II.1.1. Tổng quan nền kinh tế vĩ mô Việt Nam

Năm 2010, mặc dù tình hình kinh tế thế giới và trong nước có những diễn biến phức tạp, kinh tế Việt Nam đã đạt được những kết quả tích cực trên nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, bên cạnh những điểm sáng thể hiện thành tựu đạt được nền kinh tế vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế và thách thức. Việc đánh giá, nhìn nhận lại kinh tế Việt Nam năm 2010 để rút ra những bài học, chỉ rõ những thách thức và giải pháp cho năm 2011 có ý nghĩa quan trọng đối với các nhà hoạch định chính sách ở Việt Nam. Có thể tiếp cận và đánh giá một nền kinh tế từ nhiều phương diện. Trong bài viết này, bức tranh kinh tế Việt Nam được nhìn nhận từ góc độ vĩ mô dựa trên diễn biến tình hình kinh tế trong năm và các chỉ số kinh tế vĩ mô cơ bản.

❖ Tăng trưởng kinh tế

Năm 2010, kinh tế của Việt Nam tiếp tục có sự phục hồi nhanh chóng sau tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Tốc độ tăng GDP theo các quý trong năm 2010 liên tục cải thiện. Tốc độ tăng GDP quý I đạt 5,83%, quý II là 6,4%, quý III tăng lên 7,14% và dự đoán quý IV sẽ đạt 7,41%. Ước tính GDP cả năm 2010 có thể tăng 6,7%, cao hơn nhiệm vụ kế hoạch (6,5%). Trong bối cảnh kinh tế thế giới vẫn phục hồi chậm chạp và trong nước gặp phải nhiều khó khăn, kinh tế Việt Nam đạt được tốc độ tăng trưởng tương đối cao như trên là một thành công. Với kết quả này tốc độ tăng trưởng GDP cả giai đoạn 2006-2010 đạt bình quân 7%/năm và thu nhập quốc dân bình quân đầu người năm 2010 ước đạt 1.160 USD.

Các chỉ số tăng trưởng cho các ngành cũng thể hiện một xu hướng phục hồi rõ rệt. Công nghiệp tiếp tục là đầu tàu của tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Giá trị sản xuất công nghiệp 9 tháng đầu năm tăng 13,8% so với cùng kỳ năm 2009 và năm 2010 ước tăng 14% so với năm 2009. So với khu vực công nghiệp thì khu

vực dịch vụ cũng có sự phục hồi sau khủng hoảng kinh tế thế giới nhưng ở mức độ thấp hơn. Tốc độ tăng trưởng trong 9 tháng đầu năm là 7,24% và triển vọng tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ cả năm 2010 có thể đạt 7,5%. Đối với lĩnh vực nông nghiệp, năm 2010 gặp nhiều khó khăn: đầu năm hạn hán nghiêm trọng, giữa năm nắng nóng gay gắt, cuối năm mưa lũ lớn kéo dài ở miền Trung và Tây Nguyên. Những khó khăn này đã gây thiệt hại nặng nề cho sản xuất vụ mùa, nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi. Tuy nhiên, do thực hiện nhiều chính sách và giải pháp hỗ trợ hộ nông dân và các doanh nghiệp về vốn, vật tư, tiêu thụ kịp thời, giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 9 tháng đầu năm đã tăng 2,89% so với cùng kỳ năm 2009, và ước cả năm 2010 tăng khoảng 2,8%.

❖ Đầu tư phát triển

Kinh tế phục hồi là một nguyên nhân quan trọng trong việc thúc đẩy đầu tư phát triển. Nguồn vốn đầu tư toàn xã hội năm 2010 đã đạt được những kết quả tích cực. Ước tính tổng đầu tư toàn xã hội năm 2010 đạt 800 nghìn tỷ đồng, tăng 12,9% so với năm 2009 và bằng 41% GDP. Trong đó, nguồn vốn đầu tư của tư nhân và của dân cư dẫn đầu bằng 31,2% vốn đầu tư toàn xã hội, nguồn vốn đầu tư nhà nước (gồm đầu tư từ ngân sách nhà nước, nguồn trái phiếu Chính phủ, nguồn tín dụng đầu tư theo kế hoạch nhà nước và nguồn đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước) bằng 22,5%, tăng 4,7% so với năm 2009. Những kết quả này cho thấy các nguồn lực trong nước được huy động tích cực hơn. Về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), tính đến hết tháng 11, cả nước thu hút được 833 dự án mới với tổng số vốn đăng ký đạt 13,3 tỷ USD, bằng 60% so với cùng kỳ năm 2009, trong đó vốn thực hiện ước đạt 10 tỷ USD, tăng 9,9%. Mặc dù vốn FDI đăng ký có thấp hơn nhiều so với năm 2009 nhưng tỷ lệ vốn thực hiện trên vốn đăng ký lại cao hơn nhiều. Đây có thể được coi là điểm sáng trong thu hút FDI năm 2010. Điều này cũng cho thấy sự cam kết lâu dài các nhà đầu tư nước ngoài ở thị trường Việt Nam.

Tốc độ tăng vốn đầu tư cao và nhanh một mặt thể hiện quan hệ tích lũy - tiêu dùng đã có sự chuyển dịch theo chiều hướng tích cực, nhưng mặt khác lại cho thấy

những hạn chế trong hiệu quả đầu tư. Nếu như năm 1997, chúng ta đạt được tốc độ tăng trưởng 8,2% với vốn đầu tư chỉ chiếm 28,7% GDP thì cũng với tốc độ tăng trưởng xấp xỉ như vậy năm 2007 (8,5%) chúng ta phải đầu tư tới 43,1% GDP. Đến năm 2010, trong khi tổng mức đầu tư toàn xã hội lên tới 41% GDP, thì tốc độ tăng trưởng lại chỉ đạt 6,7%. Chỉ số ICOR đã tăng tới mức quá cao, trên 8 so với 6,6 của năm 2008. Hệ số ICOR của doanh nghiệp và đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân chỉ có 3-4, trong khi đó ICOR của khu vực kinh tế nhà nước và từ đầu tư của nhà nước tới 9-10¹. Bên cạnh đó còn xảy ra tình trạng chậm trễ trong giải ngân nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, lãng phí, thất thoát vốn đầu tư ở tất cả các khâu của quá trình quản lý dự án đầu tư.

❖ **Lạm phát và giá cả**

Năm 2010 lạm phát có những diễn biến phức tạp. Từ đầu năm đến cuối tháng 8 chỉ số giá tiêu dùng diễn biến theo chiều hướng ổn định ở mức tương đối thấp, trừ hai tháng đầu năm CPI ở mức cao do ảnh hưởng bởi những tháng Tết. Tuy nhiên, lạm phát đã thực sự trở thành mối lo ngại từ tháng 9 khi CPI tăng bắt đầu xu hướng tăng cao. Đến hết tháng 11, chỉ số giá tiêu dùng đã tăng tới 9,58% và mục tiêu kiềm chế lạm phát cả năm dưới 8% sẽ không thực hiện được.

❖ **Tỷ giá**

Trong nhiều năm trở lại đây, Ngân hàng nhà nước (NHNN) kiên trì chính sách ổn định đồng tiền Việt Nam so với đồng đô la Mỹ. Diễn biến tỷ giá trong năm 2010 là khá phức tạp. Mặc dù NHNN đã điều chỉnh nâng tỷ giá liên ngân hàng hai lần vào tháng 2 và tháng 10, khoảng cách giữa tỷ giá chính thức và tỷ giá trên thị trường tự do luôn ở mức cao. Tỷ giá chính thức có thời điểm thấp hơn tỷ giá trên thị trường tự do tới 10%. Đến cuối tháng 11 năm 2010, tỷ giá trên thị trường tự do đã đạt mức 21.500 đồng/USD.

Càng về cuối năm tỷ giá càng biến động và mất giá mạnh, thị trường ngoại hối luôn có biểu hiện căng thẳng. Những bất ổn về tỷ giá có nguyên nhân sâu xa từ những bất ổn về kinh tế vĩ mô đó là bội chi cao, nhập siêu lớn và hiệu quả đầu tư công thấp... làm cho cầu ngoại tệ luôn lớn hơn cung ngoại tệ. Bên cạnh đó hiện

tượng đầu cơ và tâm lý cũng gây áp lực mạnh mẽ lên tỷ giá. Những bất ổn trên thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái đã tiếp tục gây ra những khó khăn cho hoạt động xuất nhập khẩu. Hơn nữa, đồng tiền mất giá còn ảnh hưởng đến lạm phát trong nước do giá hàng nhập khẩu tăng mạnh. Trong bối cảnh lạm phát có xu hướng gia tăng và tính không ổn định trên thị trường tiền tệ, đòi hỏi cần phải có sự lựa chọn linh hoạt cơ chế điều hành tỷ giá để đạt được mục tiêu kiềm chế lạm phát và ổn định thị trường tiền tệ.

❖ **Thu chi ngân sách**

Năm 2010, tình hình kinh tế trong nước chuyển biến tích cực đã tạo điều kiện để tăng thu ngân sách nhà nước. Thu ngân sách nhà nước năm 2010 ước đạt 520.100 tỷ đồng, vượt 12,7% so với dự toán, tăng 17,6% so với năm 2009, và đạt tỷ lệ động viên vào ngân sách nhà nước là 26,7%. Mặc dù tỷ trọng thu nội địa có tăng nhưng chiếm tỷ trọng không lớn (khoảng 60%). Việc chấp hành kỷ luật ngân sách không nghiêm, thất thu, gian lận, nợ đọng thuế, kể cả thuế nội địa và thuế xuất nhập khẩu còn lớn. Số nợ thuế chờ xử lý (chiếm hơn 20% tổng số nợ thuế) tăng khá nhiều. Đây là dư địa quan trọng để tăng thu ngân sách và giữ kỷ cương luật pháp về ngân sách nhà nước. Tổng chi cân đối ngân sách nhà nước ước đạt 637.200 tỷ đồng, tăng 9,4% so với dự toán và tăng 9% so với thực hiện năm 2009. Bội chi ngân sách năm 2010 ước khoảng 117.100 tỷ đồng, bằng khoảng 5,95% GDP, giảm so với năm 2009 (6,9%) và cũng giảm so với kế hoạch đề ra (6,2%). Đó là những kết quả rất đáng khích lệ trong bối cảnh nền kinh tế vừa trải qua cơn suy giảm. Tuy nhiên, bội chi ngân sách vẫn còn cao (chưa về mức dưới 5% như đã duy trì trong nhiều năm) và là một trong những nhân tố góp phần làm gia tăng lạm phát. Điều này cũng cảnh báo độ an toàn của ngân sách trong các năm tiếp theo nếu như không chủ động có các biện pháp cải cách để tạo nên tăng trưởng nguồn thu cũng như tăng cường kỷ luật tài chính cho ngân sách.

❖ **Xuất nhập khẩu và cán cân thương mại**

Năm 2010, xuất nhập khẩu của Việt Nam có nhịp độ tăng trưởng đáng khích lệ trong bối cảnh kinh tế của những nước vốn là thị trường xuất khẩu

lớn của Việt Nam như Mỹ, Nhật Bản, EU... vẫn phục hồi chậm chạp. Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2010 ước đạt khoảng 70,8 tỷ USD, tăng 24,9% so với năm 2009. Xuất khẩu tăng là do sự đóng góp lớn của những mặt hàng công nghiệp chế biến cộng với sự phục hồi của kinh tế thế giới làm cho xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản được lợi về giá. Vấn đề tồn tại lớn nhất của xuất khẩu đã bộc lộ trong nhiều năm qua là việc vẫn phụ thuộc nhiều vào các mặt hàng khoáng sản, nông, lâm, thủy, hải sản, dệt may, da giày... Hơn nữa, các mặt hàng công nghiệp chế biến vẫn mang tính chất gia công. Như vậy, xuất khẩu chủ yếu vẫn dựa vào khai thác lợi thế so sánh sẵn có mà chưa xây dựng được các ngành công nghiệp có mối liên kết chặt chẽ với nhau để hình thành chuỗi giá trị gia tăng xuất khẩu lớn.

Tổng kim ngạch nhập khẩu năm 2010 ước đạt 82,6 tỷ USD, tăng 19,8% so với năm 2009. Nguyên nhân chính của sự gia tăng nhập khẩu là do kinh tế có sự phục hồi làm gia tăng nhập khẩu nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất (chiếm khoảng 80% cơ cấu nhập khẩu). Mặc dù cả kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch nhập khẩu đều tăng, nhưng do tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu cao hơn tốc độ tăng kim ngạch nhập khẩu, nên nhập siêu năm 2010 giảm xuống chỉ còn khoảng 11,8 tỷ USD, chiếm 16,6% tổng kim ngạch xuất khẩu. Như vậy, so với những năm gần đây cán cân thương mại đã có sự cải thiện đáng kể, thể hiện quyết tâm của chính phủ trong việc kiểm chế nhập khẩu những mặt hàng không cần thiết. Song mức nhập siêu vẫn còn cao cho thấy việc phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ và chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu vẫn còn chậm.

❖ **Cán cân thanh toán**

Nếu như năm 2009, cán cân thanh toán tổng thể thâm hụt 8,8 tỷ USD, thì năm 2010 đã có sự cải thiện đáng kể. Phần thâm hụt cán cân tài khoản vãng lai năm 2010 trên thực tế có thể được bù đắp hoàn toàn bởi thặng dư trong cán cân tài khoản vốn. Tuy nhiên, dự báo cán cân thanh toán năm 2010 vẫn thâm hụt khoảng trên 2 tỷ USD trong cán cân tài khoản vốn gây ra. Thực tế, tình trạng căng thẳng trên thị trường ngoại hối và việc giá vàng liên tục leo thang khiến doanh nghiệp và người dân găm giữ đô la và vàng. Như vậy, việc bố trí lại danh mục đầu tư của

doanh nghiệp và người dân sang các loại tài sản bằng ngoại tệ và vàng sẽ tiếp tục gây ra vấn đề “lỗi và sai sót” và thâm hụt trong cán cân thanh toán trong năm 2010. Bên cạnh đó, mặc dù cán cân thanh toán được cải thiện trong năm 2010, lượng dự trữ ngoại hối vẫn không tăng một mặt do Ngân hàng nhà nước can thiệp vào thị trường để giữ ổn định tỷ giá, mặt khác có một lượng ngoại tệ lớn đang lưu thông ngoài hệ thống ngân hàng.

II.1.2. Những thách thức của kinh tế Việt Nam năm 2011

Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2011 phụ thuộc vào ba yếu tố chính: tình hình kinh tế thế giới, sức mạnh nội tại và ổn định kinh tế vĩ mô trong nước và sự điều hành của Chính phủ. Tuy nhiên bên cạnh những thời cơ, thuận lợi thì cũng đặt ra nhiều thách thức cho cả ba yếu tố trên.

Trong ngắn hạn, năm 2011 sẽ tiếp tục chứng kiến sự phục hồi ở những nền kinh tế trên thế giới. Hoạt động đầu tư và thương mại quốc tế sẽ được hồi phục nhanh hơn sau khi có sự phục hồi chậm trong năm 2010. Hơn nữa, Việt Nam vẫn được đánh giá là một trong những thị trường đầu tư hấp dẫn và nhiều doanh nghiệp đầu tư nước ngoài có kế hoạch mở rộng hoạt động kinh doanh trong những năm tới. Những điều này tạo ra những ảnh hưởng tích cực trực tiếp lên nền kinh tế Việt Nam để có thể duy trì tăng trưởng khả quan hơn trong năm 2011. Tuy nhiên, xuất khẩu của Việt Nam sẽ chịu thách thức lớn hơn, nhất là trong bối cảnh hậu khủng hoảng những rào cản thương mại mới ngày càng nhiều với các hành vi bảo hộ thương mại tinh vi tại các thị trường lớn sẽ dành cho các mặt hàng xuất khẩu, nhất là các mặt hàng chủ lực của Việt Nam như khoáng sản, nông, lâm, hải sản.

Đối với trong nước, những bất ổn vĩ mô và những yếu kém trong nội tại nền kinh tế sẽ trở thành thách thức lớn cho phát triển kinh tế năm 2011. Trước hết, những nhân tố tiềm ẩn lạm phát vẫn tiếp tục trong năm 2011. Đó là giá cả thị trường thế giới sẽ tăng khi kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi, chính sách điều chỉnh tăng lương vào tháng 5/2011 sẽ tạo ra tâm lý và lý do để thị trường tăng giá hàng hóa tiêu dùng, tỷ giá biến động, đầu tư công chưa hiệu quả và bội chi ngân sách tiếp tục gây sức ép lên lạm phát... Thứ hai, mặc dù tình trạng nhập siêu đã được

cải thiện nhưng chưa tạo được nền tảng vững chắc. Tình trạng này chắc chắn không dễ giải quyết trong ngắn hạn khi cơ cấu kinh tế kém hiệu quả, công nghiệp phụ trợ yếu kém và nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng còn phụ thuộc khá nặng nề vào nước ngoài. Thứ ba, bội chi ngân sách cũng là áp lực cần giải quyết. Với mức bội chi cao và nếu nguồn vốn bù đắp ngân sách chủ yếu từ thị trường vốn trong nước, mặt bằng lãi suất sẽ chịu áp lực của nhu cầu vốn, mà đầu tiên là lãi suất tiền gửi ngân hàng... Bội chi vẫn là thách thức khi chưa có những biện pháp nghiêm khắc và cụ thể để giải quyết thông qua việc nâng cao hiệu quả đầu tư từ ngân sách nhà nước và tiết kiệm chi thường xuyên. Trong bối cảnh thâm hụt, cơ cấu chi, hiệu quả chi và khả năng kiểm soát chi thể hiện dấu hiệu thiếu bền vững của ngân sách bởi các khoản chi tiêu của chính phủ không tạo nên nguồn thu trong tương lai và gây sức ép cho bội chi mới. Thứ tư, đồng nội tệ sẽ tiếp tục bị áp lực giảm giá trong thời gian tới vì lạm phát của Việt Nam luôn ở mức cao hơn so với khu vực và thế giới và NHNN không thể dùng dự trữ ngoại hối ít ỏi để can thiệp mạnh theo nhu cầu vì cần ngoại tệ để giải quyết các nhu cầu thiết yếu khác. Thứ năm, những “nút thắt” của tăng trưởng kinh tế như cơ sở hạ tầng, trình độ nguồn nhân lực và cải cách hành chính vẫn chưa có sự chuyển biến rõ rệt. Điều này không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến lòng tin của các nhà đầu tư trong và ngoài nước mà còn cản trở lớn đến tăng trưởng kinh tế theo hướng hiệu quả và bền vững trong năm 2011.

Về điều hành kinh tế vĩ mô, hiện nay chúng ta dựa trên 3 công cụ chính để tác động đến nền kinh tế, đó là chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ và chính sách cán cân thanh toán. Tuy nhiên, sự phối hợp giữa các chính sách đó còn lúng túng và thiếu linh hoạt. Nhiều chính sách mang nặng tính hành chính và thiếu kết hợp với các giải pháp dựa trên nguyên tắc thị trường. Hơn nữa, các cơ quan quản lý nhà nước còn đưa ra các giải pháp mang tính tình thế, giạt cục, thiếu sự minh bạch và nhất quán làm giảm lòng tin của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp. Năng lực dự báo kém cộng với dự kiến các biện pháp ứng phó với diễn biến kinh tế thấp kém cũng là những hạn chế quản lý vĩ mô nền kinh tế.

II.2. Thị trường phân bón thế giới

Do ảnh hưởng của giá xăng dầu thế giới, giá phân bón thế giới trong thời gian gần đây luôn tăng cao.

I.2.1. Thị trường URE

- Urê hạt trong:

Yuzhny: 318 – 321 đô/tấn fob

Baltic: 305 – 315 đô/tấn fob

Trung Quốc: 380 – 390 đô/tấn fob

Brazil: 345 – 348 đô/tấn cfr

- Urê hạt đục:

Iran: 315 – 320 đô/tấn fob

Ai Cập: 335 – 335 đô/tấn fob

Indonesia: 360 – 365 đô/tấn fob

Vịnh Mỹ: 353 – 369 đô/tấn cfr.

Việc công bố các hồ sơ dự thầu cho Ure của Ấn Độ vào năm 2011 đã ảnh hưởng đến thị trường phân bón. Doanh số bán hàng đã diễn ra tại Yuzhny trong khoảng 320 đô/tấn fob cho tháng tư. Mức giá này cũng là mức sàn tại Biển Đen. Giá tại Biển Đen dự đoán sẽ sớm ổn định hơn. Ai Cập đã thực hiện doanh số bán hàng đầu tiên trong ba tuần, với mức 335 đô/tấn fob, giảm 90 đô/tấn fob – đã giảm 21% trong tám tuần. Đồng thời, giá tại Mỹ tiếp tục giảm, do thời tiết không thuận lợi và thiếu hàng Ure. Ure hạt đục giao dịch ở mức dưới 325 – 330 đô/tấn fob tại Nola. Ở mức này, giá thị trường tại Ai Cập là khoảng 325 đô/tấn fob và 320 đô/tấn fob đến vùng vịnh Ả Rập. Hầu hết các nhà đầu tư hy vọng hồ sơ dự thầu của Ấn Độ sẽ đạt tại thị trường Iran và Trung Đông. Sẽ có khoảng 400.000 tấn Ure của Iran giao hàng trong tháng 4, với mức cung cấp trong khoảng 345 – 355 đô/tấn cfr.

Người mua hàng ở các nước khác đang theo dõi các hồ sơ dự thầu tại Ấn Độ và có thể sẽ bước vào thị trường này nếu có một kết quả thuận lợi. Tại thời điểm này, thì thái độ chủ yếu vẫn là chờ xem các doanh số bán hàng lên một mức tích cực hơn. Hàng bán tại Brazil tương đương với mức 310 đô/tấn fob tại Baltic.

+ Tại FSU, Đông Âu:

Yuzhny: Hiện nay, giá Ure hạt trong đã xuống dưới 320 đô/tấn fob, đạt 318 đô/tấn fob. Các thương nhân đã chỉ ra mức giá 310 – 315 đô/tấn fob cho tải hàng tháng 4. Sự đồng thuận với Ure tại Yuzhny sẽ phải cạnh tranh với giá tại Ấn

Độ. NF đang có kế hoạch cung cấp 40.000 tấn Ure cho thị trường trong nước. Giá cho 3.300 tấn tương đương với 355 đô/tấn fob.

Khu vực Baltic: Các nhà sản xuất tại Nga đang giữ mức giá thấp 300 đô/tấn fob. Sự suy yếu của giá tại Yuzhny xuống dưới 320 đô/tấn fob cũng làm cho giá tại các cảng giảm nhanh chóng. Bán hàng từ Ventspils diễn ra ở mức 312 đô/tấn fob.

Nhu cầu Ure hạt trong tại Châu Âu đã được nới lỏng và các nhà cung cấp tại Baltic có nhiều cơ hội hơn trên thị trường Mỹ Latinh. Bán hàng mới nhất ở Brazil và Trung Mỹ phản ánh trong khoảng 310 đô/tấn fob.

+ Châu Âu:

Pháp: Giá Ure hạt đục đã giảm mạnh hơn nữa, với cung cấp trong tuần ở mức 278 – 282 €/tấn tại các cảng Địa Trung Hải và 278 – 285 €/tấn tại các cảng Đại Tây Dương khác. Người mua đang quan tâm đến những tin tức từ Ấn Độ và Ai Cập, chờ đến phút cuối cùng để đặt hàng và có mức giá chuẩn. Các doanh nghiệp tại Ai Cập đã bán với mức 335 đô/tấn tương đương với một mức giá chi phí 270 – 275 €/tấn tại các cảng Đại Tây Dương, chi phí vận chuyển hàng là 37 – 38 đô/tấn.

+Châu Á:

Trung Quốc: Giá trần tương đương với khoảng 320 đô/tấn fob. Giá quốc tế được dự đoán là sẽ tăng khi hầu hết Ure Trung Quốc sẽ được vận chuyển.

Thái Lan: Giá Ure hạt đục đã giảm xuống 370 đô/tấn cfr, sự suy yếu của giá Ure tại Trung Đông đã đẩy mức giá cfr xuống đến 375 đô/tấn theo các hợp đồng tại chỗ. Dự đoán nhập khẩu sẽ.

Mỹ: Giá sàn cho Ure hạt đục tại Nola là 330 đô/tấn fob. Tuy nhiên, một số người đã bán được với mức 340 – 345 đô/tấn fob.

I.2.2. Thị trường Photphat

Giá DAP tại một số thị trường:

Vịnh Mỹ: 615 – 618 đô/tấn fob

Baltic: 600 – 610 đô/tấn fob

Trung Quốc: 610 – 620 đô/tấn fob

Brazil: 665 – 670 đô/tấn cfr

Ấn Độ dự kiến sẽ tăng giá trong tuần tới. Mặc dù giá tăng tại Nam Mỹ trong tuần này, đặc biệt là MAP, có dấu hiệu giảm. Khách hàng tại châu Âu đã từ chối cung cấp các lô hàng mới tại mức 635 – 640 đô/tấn fob.

Giá DAP tại Ấn Độ vẫn giữ ở mức 600 đô/tấn cfr, Giá trung gian luân chuyển hàng hoá trong khoảng 600 – 610 đô/tấn cfr.

Tại Mỹ: Phoschem duy trì giá DAP với mức 620 đô/tấn fob nhưng không có doanh số bán hàng nào tại mức giá này. Các nhà sản xuất khác đang bán với mức 615 đô/tấn fob ít hơn cho tháng tư.

Brazil: Hiện đã có một mức giá tăng 10 đô/tấn fob cho MAP lên đến 665 đô/tấn cfr, người bán đang hướng tới mức 670 đô/tấn cfr cho doanh số bán hàng mới.

Trung Quốc: Các thương nhân đang chờ xem kết quả về giá xuất nhập khẩu tại Ấn Độ. Trong khi các thị trường khác phải trả chi phí bảo hiểm cho Ấn Độ, Trung Quốc cần khối lượng đủ để vào Ấn Độ. Các gói chi phí cho Ấn Độ được đặt tại mức 30 đô/tấn, sẽ thực hiện ở mức 570 – 580 đô/tấn fob, đồng thời với mức 523 đô/tấn fob giá chuẩn tương đương cho giá DAP xuất khẩu theo thuế xuất 7%, nghĩa là giá tăng trên mức chuẩn sẽ là không có lợi, vì thuế không tăng theo tỷ lệ tương ứng.

I.2.3. Thị trường Potash

Giá MOP tại một số thị trường

Vancouver: 300 – 380 đô/tấn fob

Đông Âu: 295 đô/tấn fob

Ấn Độ: 370 đô/tấn fob

Brazil: 440 – 480 đô/tấn cfr.

Thị trường MOP tương đối yên tĩnh trong hầu hết các thị trường, đặc biệt là ở châu Á, nơi mà nhiều người đang chờ đến Hội nghị châu Á FMB trong tuần tới tại Bắc Kinh, giá cho MOP chuẩn là 460 đô/tấn fob, cho MOP hạt là 475 – 480 đô/tấn fob. Việc tăng giá bắt đầu đi qua châu Âu. Chúng được tăng từ 18 – 20 €/tấn. BPC tuyên bố đã bán được 100.000 tấn với mức tăng 20 €/tấn vào khoảng 335 €/tấn cho MOP hạt và 355 €/tấn cho MOP chuẩn, K + S kali cũng có những

khách hàng đầu tiên chấp nhận mức giá mới. Nông dân và các đại lý có thể sẽ nhìn thấy việc tăng thêm giá ở Bắc Mỹ vào tuần tới.

Giá MOP tại các cảng Trung Quốc được giao dịch ở mức 440 – 455 đô/tấn fob.

ICL đã bán được 20.000 tấn MOP hạt và MOP chuẩn đến Việt Nam ở mức 460 đô/tấn cfr và 475 đô/tấn cfr, các loại MOP hạt đã thực sự bán được ở mức 480 đô/tấn cfr.

Brazil: Người mua chấp nhận tăng 50 đô/tấn cho lô hàng tháng 5. Giá MOP hạt cho người mua lớn lên đến 530 đô/tấn cfr và 550 đô/tấn cfr cho người mua nhỏ.

I.2.4. Thị trường Sulphure

Vancouver: 200 – 205 đô/tấn fob

Iran: 188 – 205 đô/tấn fob

Vịnh Mỹ: 175 – 180 đô/tấn fob

Ấn Độ: 223 – 239 đô/tấn fob

Thị trường lưu huỳnh đã đi vào bế tắc, thương nhân và các nhà cung cấp đang chờ đợi kết quả của các cuộc đàm phán hợp đồng cho các doanh nghiệp. Sau báo cáo về doanh số bán hàng của Canada và Trung Quốc trong thời gian qua tăng cao như tăng lên 220 – 240 đô/tấn cfr, tại thời điểm này có những báo cáo mới về việc bán hàng được thực hiện tại Brazil với mức 245 – 250 đô/tấn cfr.

Tại Trung Đông sản xuất lưu huỳnh đang nắm giữ vị trí quan trọng và nhiều hàng thiết lập giá trên 200 đô/tấn fob. Giá hợp đồng cho Quý 2 tại Bắc Phi, Jordan, Isreal và lebanon trên 200 đô/tấn fob.

Tại Trung Quốc, giá không được trả nhiều hơn 215 – 220 đô/tấn cfr, mặc dù các báo cáo về doanh số bán hàng cao hơn Canada. Sự thiếu hụt về giá DAP được thoả thuận tại Ấn Độ, và các loại thuế xuất khẩu cao hơn giá phân bón cũng gây ra mối quan tâm với các nhà sản xuất tại Trung Quốc.

Tại Trung Quốc: Các nhà cung cấp và các thương nhân của Trung Đông đã đi đến quyết định giá cuối cùng 215 – 218 đô/tấn cfr. Các nhà cung cấp tại Canada đã thực hiện bán hàng tại 220 – 230 đô/tấn cfr.

Ấn Độ: 25.000 tấn hàng được bán sang Trung Quốc với mức 210 đô/tấn fob.

II.3. Thị trường phân bón trong nước

II.3.1. Nhu cầu sử dụng phân bón

Các tỉnh khu vực phía Bắc Việt Nam đang bước vào vụ Đông Xuân nên nhu cầu phân bón phục vụ gieo cấy khá mạnh. Theo các đại lý kinh doanh phân bón, hiện đang là thời gian gieo cấy nên nhu cầu phân tập trung vào các loại Supe Lân và NPK.

Theo nhận định của Hiệp hội Phân bón Việt Nam, vụ Đông Xuân này cả nước cần 700-800 nghìn tấn phân các loại trong khi các nhà máy trong nước đáp ứng khoảng 50% nhu cầu. Dự kiến, vụ Đông xuân 2011 cả nước cần phải nhập khẩu 150.000-200.000 tấn urê, 100.000 tấn DAP, 150.000 tấn kali, 150.000 tấn SA..

II.3.2. Cung phân bón

❖ Tình hình sản xuất trong nước

Việt Nam là một nước nông nghiệp, nhưng công nghiệp sản xuất phân bón trong nước hiện nay chỉ mới đáp ứng khoảng 35% nhu cầu về phân đạm (tính cả sản lượng sản xuất của Nhà máy đạm Phú Mỹ); 40% lượng phân lân; còn phân kali thì đang phải nhập hoàn toàn. Điều này dẫn tới thị trường phân bón trong nước phụ thuộc rất lớn thị trường phân bón thế giới. Vì vậy sự biến động về giá cả phân bón thế giới sẽ tác động trực tiếp đến giá cả phân bón ở Việt Nam.

❖ Tình hình nhập khẩu phân bón

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 1/2010 cả nước nhập khẩu 505.949 tấn phân bón các loại, trị giá 145.905.755 USD, chiếm 2,4% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước, tăng 182,7% về lượng và 147,69% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

+ Nhập khẩu phân bón theo chủng loại: Trong đó, phân Ure nhập về nhiều nhất với 207.374 tấn, trị giá 65.715.398 USD, chiếm 40,98% tổng lượng phân bón nhập của cả nước, tăng 180,14% về lượng và 147,69% về trị giá so với cùng kỳ

năm ngoài. Kế đến là phân SA với lượng nhập 152,9 nghìn tấn, trị giá 20,45 triệu USD tăng gấp hơn 5 lần về lượng và hơn 6 lần về trị giá so với cùng kỳ năm 2009.

Ngoài ra, Việt Nam còn nhập khẩu phân DAP, với lượng nhập trong tháng là 58,14 nghìn tấn, trị giá 23,88 triệu USD, giảm 2,27% về lượng và 0,49% về trị giá so với tháng 1/2009; phân NPK trong tháng nhập 27.581 tấn, trị giá 9.628.265 USD tăng 104,30% về lượng và tăng 80,97% về trị giá; phân Kali nhập 41.775 tấn, trị giá 18.817.393 USD tăng hơn 4 lần về lượng hơn 2 lần về trị giá so với tháng 1/2009.

+ Nhập khẩu phân bón theo thị trường: Tháng 1/2010, Việt Nam nhập khẩu phân bón từ 13 nước trên thế giới, trong đó Trung Quốc là thị trường nhập khẩu chính của Việt Nam với lượng nhập là 162.229 tấn, trị giá 51 triệu USD, tăng 109,51% về lượng và 75,5% về trị giá so với tháng 1/2009.

Đặc biệt, thị trường Hàn Quốc, tuy đứng sau thị trường Trung Quốc về lượng và kim ngạch nhập khẩu nhưng so với tháng 1/2009 thì lượng phân bón nhập khẩu từ thị trường này tăng mạnh (tăng hơn 8 lần hay bằng 894,72%) so với tháng 1/2009.

Tháng 1/2010, Việt Nam nhập khẩu phân bón từ thị trường Ấn Độ là 1.704 tấn, trị giá hơn 1 triệu USD, giảm 27,30% về lượng nhưng tăng 30,32% về trị giá so với tháng 1/2009.

Thị trường nhập khẩu phân bón trong tháng 1/2010

	Tháng 1/2010		So sánh tháng 1/2010 với tháng 1/2009	
	Lượng (tấn)	Trị giá (USD)	% lượng	% trị giá
Ấn Độ	1.704	1.020.542	-27,30	30,32
Bỉ	480	140.400		
Canada	12.000	4.761.600	300,00	114,63
Đài Loan	6.839	929.401		
Hàn Quốc	62.170	14.263.829	894,72	1689,97
Hoa Kỳ	185	209.889	236,36	193,32
Malaixia	27.878	8.918.770		
Nauy	1.008	372.960	425,00	169,79
Nga	68.644	16.827.810	880,07	2333,97
Nhật Bản	52.420	7.373.199		
Philippin	12.120	3.285.911	14,34	-28,03
Thái Lan	502	227.912		
Trung Quốc	162.229	51.073.930	109,51	75,57

II.4. Giá cả

Thị trường phân bón trong nước nửa cuối tháng 3 có nhiều diễn biến trái chiều. Thị trường tiêu thụ ở mức thấp, giá một số mặt hàng tăng nhẹ tuy nhiên một số mặt hàng giảm giá khá sâu như Urea. Giá phân bón tại một số khu vực cụ thể như sau:

Tại Lào Cai: Thị trường chưa thực sự sôi động thời gian này, giá các loại phân bón nhìn chung có tăng tuy nhiên ở mức thấp. Tổng số lượng các mặt hàng phân bón nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Lào Cai trong 16 ngày cuối tháng 3/2011 là 29.911 tấn. Lượng hàng tiêu thụ không có nhiều đột biến. Lượng hàng tồn trên địa bàn Lào Cai cụ thể như sau :

- Phân bón SA mịn còn khoảng 11.300 tấn
- Phân bón UREA tiếng Anh và tiếng Trung bao trắng hoặc vàng còn khoảng 250 tấn
- Phân bón DAP (18-46) còn khoảng 2.400 tấn
- Phân MAP còn khoảng 200 tấn
- Giá cả một số loại phân bón cụ thể như sau :
- Phân Dimo-Amonium Photphate (DAP) : 3.600 CNY/tấn
- Phân Mono-Amonium photpate (MAP) : 3.400 CNY/tấn
- Phân UREA : 2.200 CNY/tấn
- Phân SA Trung Quốc : 1.100 CNY/tấn
- Phân Amoni Clorua (NH_4Cl) : 1050 CNY/tấn

Thời gian tới giá các loại phân bón tại khu vực Lào Cai nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng tuy nhiên lượng hàng tiêu thụ trên thị trường có thể vẫn ở mức ổn định.

Tại Thái Bình : Do thời tiết xấu, rét đậm rét hại kéo dài khiến lúa xuân phát triển kém, nhiều trà lúa cây không bén rễ nôn, lá vàng không đẻ nhánh. Sở NN & PTNT tỉnh khuyến cáo bà con không nên bón NPK có hàm lượng đạm cao và Urea, Kaly. Giá Urea tại Thái Bình giảm khá nhiều từ 100-200.000đ/tấn. Các loại phân bón khác giá ở mức ổn định và tăng nhẹ. Giá một số loại phân bón cụ thể như sau :

- Urea Trung Quốc : 7.700 đ/Kg

- Phú Mỹ	: 8.400 đ/Kg
- Urea Hà Bắc (bao vàng)	: 8.500 đ/Kg
- Kaly	: 10.500 đ/Kg
- NPK 5-10-3 Lâm Thao	: 3.800 đ/Kg
- Supe Lân Apromaco Lào Cai	: 2.700 đ/Kg
- Lân Lâm Thao	: 2.800 đ/Kg

Thời gian tới do lượng hàng tồn trên địa bàn tỉnh còn khá nhiều nên giá các loại phân bón nhiều khả năng sẽ ở mức ổn định.

Tại Hải Phòng : Mặc dù chuẩn bị đến giai đoạn bón thúc cho lúa của vụ Đông Xuân ở miền Bắc nhưng nhu cầu vẫn còn rất hạn chế và hiện nay giá cả thị trường trong nước vẫn có xu hướng tiếp tục yếu đi do giá hàng qua đường biên giới với Trung Quốc vẫn giảm giá. Dự kiến trong thời gian tới nhu cầu có tăng lên chút ít nhưng giá phân bón vẫn có xu hướng giảm.

Lượng hàng tồn kho ở khu vực Hải Phòng:

- Urea	: 6.000 tấn
- Kali	: 5.500 tấn

Giá tham khảo của một số mặt hàng:

- Phân Urea:	
+ Trung Quốc	: 7.800 ÷ 7.850đ/kg
+ Trung Đông	: 7.950 ÷ 8.000đ/kg
+ CIS	: 7.950 ÷ 8.000đ/kg
+ Phú Mỹ	: 8.600 ÷ 8.650đ/kg
- Phân Kali	
+ CIS	: 10.450 ÷ 10.500đ/kg
+ Israel	: 10.350 ÷ 10.400đ/kg

Tại Đà Nẵng: Giá các loại phân bón hiện vẫn đang ở mức khá ổn định. Thị trường tiêu thụ chưa có dấu hiệu đột biến. Giá một số loại phân bón cụ thể như sau :

NPK Phi 10200;	
- Kaly Nga	10500;

- Urea Phú mỹ : 8700 ;
- Urea TQ tiếng Anh bao zin : 8600;
- SA Nhật : 5100

Tại Quy Nhơn: Thị trường phân bón nửa cuối tháng 3/2011 diễn biến khá chậm, nguyên nhân chủ yếu là do khu vực Tây nguyên chưa bước vào thời điểm chăm bón đợt hai, vùng đồng bằng chưa tới vụ lúa và cây lương thực ngăn ngày. Lượng hàng tồn kho trên địa bàn Quy Nhơn đến ngày 2/4/2011.

Loại hàng	Số lượng (tấn)
S.A	53.500
Kaly	15.300
Urea	28.800
NPK	18.000
D.A.P	3.000

Giá các loại phân bón hiện đang ở mức ổn định cụ thể như sau :

- **Phân Urea:**

- + Indo : 8.400 ÷ 8.500đ/kg
- + Phú Mỹ : 8.600 ÷ 8.700đ/kg

- **Phân Kaly:**

- + Kaly CIS : 10.600 ÷ 10.700đ/kg

- **Phân SA:**

- + Nhật : 4.800 ÷ 4.900đ/kg
- + Korea : 4.700 ÷ 4.800đ/kg
- + Nga : 4.650 ÷ 4.700đ/kg

- **Phân NPK**

- + NPK Phi : 9.600 ÷ 9.800đ/kg.

- **DAP Hàn Quốc** : 10.000 - 11.000 đ/kg

Tại TPHCM : Tiếp tục như hai tuần đầu tháng thị trường hai tuần vừa qua vẫn chưa có chuyển biến tích cực. Cùng với sự trầm lắng của tất cả các mặt hàng phân

bón hóa học là sự giảm giá hàng liên tục diễn ra gây tâm lý chờ đợi cho các đại lý. Mặc dù thời vụ đã cận kề nhưng chưa thấy các đại lý mua vào do lo ngại giá còn giảm.

Cụ thể giá cả các mặt hàng phân bón tại thành phố Hồ Chí Minh như sau:

- Kali C.I.S bột	: 10.650 đ/kg
- Kali C.I.S Mảnh	: 11.450 đ/kg
Kali Canada và isarel cũng có giá tương ứng	
- UREA Indo zin	: 8.700 đ/kg
- UREA TQ	: 8.550 – 8.600 đ/kg
- UREA TQ hạt đục	: 9.050 – 9.100 đ/kg
- D.A.P TQ nâu	: 14.250 – 14.300 đ/kg
- D.A.P Korea	: 16.100 đ/kg
- D.A.P Phi	: 15.000 đ/kg
- S.A C.I.S	: 5.000 đ/kg
- S.A phi	: 5.400 đ/kg
- S.A Nhật	: 4.950 đ/kg

Thời gian vừa qua giá phân bón trong nước không được tốt. Nguyên nhân chủ yếu là do lượng hàng tồn trong nước vẫn đáp ứng được nhu cầu phân bón hiện tại. Giá phân bón Quốc tế những ngày qua liên tiếp có những biến động mạnh. Giá Urea trên thị trường liên tục đi xuống khiến nhiều người mua lo ngại giá sẽ tiếp tục giảm. Tuy nhiên giá DAP và SA vẫn vững. Riêng giá Kaly chắc chắn sẽ tăng do nguồn cung ngày càng hạn chế và đã có thông báo tăng giá chính thức nhà cung cấp bắt đầu từ 01/4/2011. Do chuẩn bị bước vào đầu vụ hè thu đồng bằng sông Cửu Long nên thị trường phân bón trong nước thời gian nửa đầu tháng 4 hứa hẹn sẽ có những biến động về giá và lượng hàng tiêu thụ.

II.5. Chuỗi giá trị ngành phân bón

II.5.1. Cạnh tranh

- ❖ **Công ty cổ phần phân bón Miền Nam**

Công ty Cổ phần phân bón Miền Nam tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Công Thương - Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam được thành lập theo quyết định số 426/HC-QĐ ngày 19/4/1976 của Tổng Cục Hóa Chất Việt Nam. Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam đã chính thức chuyển đổi hình thức quản lý sản xuất kinh doanh sau 34 năm thành lập sang hoạt động mô hình cổ phần hóa chính thức từ ngày 01/10/2010. Hiện nay, công ty sản xuất hơn 600.000 tấn phân bón các loại đạt doanh thu hơn 2.000 tỷ đồng với hơn 1.100 cán bộ công nhân viên, công ty có 9 đơn vị trực thuộc và một liên doanh với tập đoàn LG Chem, Hàn Quốc.

❖ Công ty cổ phần phân bón Bình Điền

Công ty Cổ phần phân bón Bình Điền là một doanh nghiệp nhà nước, nhà sản xuất chiếm thị phần hàng đầu Việt Nam về phân hỗn hợp NPK. Đặc biệt ở khu vực Miền Nam, vựa lương thực chính của cả nước, Công ty luôn đứng đầu về sản lượng sản xuất cũng như doanh số phân NPK. năm 2010, với doanh số trên 3700 tỷ đồng, Bình Điền được xếp hạng 168 trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất nước. Công ty cũng được bình chọn là 1 trong 129 thương hiệu mạnh Việt Nam và là doanh nghiệp tiêu biểu 3 nước Đông Dương: Việt Nam, Lào, Campuchia.

❖ Công ty CP Phân Bón & Hoá Chất Cần Thơ

Là một trong những Công ty hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh Phân bón (nhãn hiệu Cò bay), hoá chất (bột giặt Pano), thức ăn chăn nuôi – thủy sản tại thị trường trong nước và khu vực Asean.

Tốc độ tăng trưởng SXKD bình quân 5 năm gần đây đạt 26 %. Kim ngạch xuất khẩu Phân bón Cò bay, bột giặt Pano sang Campuchia từ 1 triệu USD năm 1998; đến năm 2010 thị trường xuất khẩu đến các quốc gia: Philippines, Indonesia, Myanmar, Thailand và Malaysia... đạt 15,5 triệu USD.

II.5.2. Mạng lưới phân phối phân bón

❖ Vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Đồng bằng sông Cửu Long là một bộ phận của châu thổ sông Mê Kông có diện tích 39 734km². Theo kết quả điều tra dân số ngày 01/04/2009, dân số vùng

Đồng bằng sông Cửu Long là 17.178.871 người. Vùng đất này được hình thành từ những trầm tích phù sa và bồi dần qua những kỷ nguyên thay đổi mực nước biển; qua từng giai đoạn kéo theo sự hình thành những giồng cát dọc theo bờ biển. Những hoạt động hỗn hợp của sông và biển đã hình thành những vạt đất phù sa phì nhiêu dọc theo đê ven sông lẫn dọc theo một số giồng cát ven biển và đất phèn trên trầm tích đầm mặn trũng thấp như vùng Đồng Tháp Mười, tứ giác Long Xuyên – Hà Tiên, tây nam sông Hậu và bán đảo Cà Mau. Chính điều kiện tự nhiên thuận lợi đó đã làm cho vùng Đồng bằng Nam bộ này trở thành nơi phát triển nông nghiệp lớn nhất nước, đặc biệt là lúa. Lúa trồng nhiều nhất ở các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Long An, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Tiền Giang. Diện tích và sản lượng thu hoạch chiếm hơn 50% so với cả nước. Bình quân lương thực đầu người gấp 3 lần so với lương thực trung bình cả nước. Nhờ vậy nên Đồng bằng sông Cửu Long là nơi xuất khẩu gạo chủ lực của cả đất nước. Ngoài ra vùng này còn trồng mía, rau đậu, xoài, dứa, sầu riêng, cam, bưởi ...

Do đó, nhu cầu sử dụng phân bón tại đây rất lớn và định hướng xứ Miền Tây này sẽ là thị trường tiêu thụ mạnh phân bón hữu cơ vi sinh lớn nhất cả nước.

❖ Đồng bằng sông Hồng:

Đồng bằng sông Hồng là một vùng đất rộng lớn nằm quanh khu vực hạ lưu sông Hồng thuộc miền Bắc Việt Nam. Toàn vùng có diện tích: 15.000 km², chiếm 4,5% diện tích của cả nước với dân số là 19.577.944 người (thời điểm 1/4/2009), chiếm 22,82% dân số cả nước. Diện tích đất nông nghiệp khoảng 760.000 ha, trong đó 70% là đất phù sa màu mỡ, có giá trị lớn về sản xuất nông nghiệp. Đất nông nghiệp chiếm 51,2% DT vùng. Sản lượng lúa tăng từ 42,1 tạ/ha (1995) lên là 58,9 tạ /ha (2008). Không chỉ có sản lượng lúa tăng mà còn có một số lương thực khác như ngô, khoai tây, cà chua, cây ăn quả ... cũng tăng về mặt sản lượng và cả chất lượng. Đem lại hiệu quả cho ngành kinh tế của vùng. Vụ đông trở thành vụ sản xuất chính.

Với lợi thế về tự nhiên và nền nông nghiệp phát triển lâu đời, vùng đất châu thổ sông Hồng này là một trong những nơi tiêu thụ phân bón lớn của cả nước.

❖ **Tây nguyên:**

Tây nguyên là khu vực cao nguyên rộng 54.639 km². Với đặc điểm thổ nhưỡng đất đỏ bazan ở độ cao khoảng 500 m đến 600 m so với mặt biển, Tây Nguyên rất phù hợp với những cây công nghiệp như cà phê, ca cao, hồ tiêu, dâu tằm. Cây điều và cây cao su cũng đang được phát triển tại đây. Cà phê là cây công nghiệp quan trọng số một ở Tây Nguyên. Tây Nguyên cũng là vùng trồng cao su lớn thứ hai sau Đông Nam Bộ. Ngoài ra, vùng đất này là nơi thích hợp cho những loại cây rau quả xứ lạnh. Vì vậy, Tây Nguyên đang và sẽ là thị trường tiêu thụ phân bón lớn của đất nước.

❖ **Đông Nam Bộ**

Là một trong hai phần của Nam Bộ Việt Nam, Đông Nam Bộ có 14.025.387 người, chiếm 16,34% dân số Việt Nam, là vùng có tốc độ tăng dân số cao nhất nước, do thu hút nhiều dân nhập cư từ các vùng khác đến sinh sống. Đông Nam Bộ là vùng có kinh tế phát triển nhất Việt Nam, dân số đông và dẫn đầu cả nước về kim ngạch xuất khẩu, đầu tư nước ngoài, GDP, cũng như nhiều yếu tố xã hội khác. Bên cạnh đó, vùng đất này cũng là nơi phát triển nhiều loại cây trồng lâu năm nên nhu cầu sử dụng phân bón rất lớn và là thị trường tiêu thụ, trao đổi, cung ứng phân bón lớn của cả nước.

CHƯƠNG III: SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐẦU TƯ MỞ RỘNG KẾ HOẠCH KINH DOANH CỦA CÔNG TY PHÂN BÓN HỮU CƠ VI SINH ...

III.1. Mục tiêu và nhiệm vụ đầu tư

Phân bón hữu cơ sinh học được nhập khẩu từ Mỹ và phát triển từ năm 2008. Tuy nhiên, phân bón hữu cơ sinh học này chưa được nhân dân Việt Nam chú trọng lắm và chưa bao giờ là thế mạnh của nông nghiệp hàng hóa tại Việt Nam vì trong 20 năm qua nông dân ta đã quen dùng phân bón hóa học.

Thời gian dùng phân hóa học quá lâu dẫn đến tình trạng đất đai đã hết chất hữu cơ tự nhiên sẵn có mà thay vào đó là những loại phân hóa học vô cùng độc hại đã âm thầm tấn công từng ngày vào cơ thể người dân chúng ta. Thấy trước được mối nguy hại đó cho con người và đất trồng trong tương lai, công ty chúng tôi đã nghiên cứu tìm ra các giải pháp, trong số đó chúng tôi đặc biệt nghiên cứu về các loại phân hữu cơ khoáng có lợi. Loại phân bón này bảo vệ sức khỏe con người đồng thời thân thiện tuyệt đối với môi trường và cộng đồng.

Từ các cuộc nghiên cứu và thực nghiệm trong suốt gần 3 năm (từ 2008 đến nay) chúng tôi đã chọn lọc từ các loại phân hữu cơ sinh học trong và ngoài nước để cuối cùng chọn được một loại phân hữu cơ có nguồn gốc từ Mỹ mà đã được nông dân Mỹ và trên khắp thế giới tin dùng hơn 50 năm qua. Đó là một loại phân có nguồn gốc từ tự nhiên 100% được các nhà khoa học Mỹ nghiên cứu và đưa vào sử dụng coi đó là một giải pháp hoàn toàn vô hại cho con người và làm cho đất thêm màu mỡ và giàu dinh dưỡng.

Bên cạnh đó, công ty ... chúng tôi đã được công ty Mỹ là Gro Power ủy quyền và được độc quyền phân phối sản phẩm này tại thị trường Việt Nam, Lào, Campuchia.

Nắm bắt được những ưu điểm và thế mạnh trên nhất là lợi ích cộng đồng to lớn, công ty ... chúng tôi đã lập ra một kế hoạch bắt đầu xâm nhập vào ba thị trường này mà trước tiên là Việt Nam.

III.2. Sự cần thiết phải đầu tư mở rộng kế hoạch kinh doanh:

Theo phân tích đánh giá tình hình thị trường xuất nhập khẩu phân bón trong nước năm 2010 ta thấy được tình hình nhập khẩu phân bón những tháng đầu năm 2010 giảm nhẹ, và tình hình nhập khẩu những tháng cuối năm tăng mạnh, giá phân bón trên thị trường thế giới tăng cao và theo dự đoán thì giá phân bón sẽ tiếp tục tăng vào năm 2011. Còn nhu cầu sử dụng trong nước, ngành nông nghiệp trong nước đang phát triển, nhu cầu sử dụng sẽ tăng cao, nhưng nguồn cung phân bón trong nước thì chưa đủ đáp ứng nhu cầu mà chủ yếu phải nhập khẩu từ các nước khác với giá cao. Nên dự án mở rộng kinh doanh tại thời điểm này là bắt kịp được nhu cầu thị trường vừa góp phần cung ứng sử dụng trong nước giảm kim ngạch nhập khẩu vừa góp phần đẩy mạnh kim ngạch xuất khẩu.

Việt Nam chúng ta là một đất nước có nền nông nghiệp khá tiên tiến. Trong những năm gần đây chúng ta đã có một số sản phẩm sạch được thị trường thế giới công nhận đó là Gạo, Thanh Long,...tuy vẫn còn hàm lượng hóa học lưu dẫn trong đó. Vì vậy nếu ta thay toàn bộ phân hóa học thành phân hữu cơ đưa vào các sản phẩm này thì thị trường nông sản sẽ phát triển bền vững hơn.

Hiện tại với hơn 300 khách hàng và 1000 đại lý tại Long An, tất cả các trường trạm khuyến nông trên toàn tỉnh Long An và ngoài ra chúng tôi có cả một danh sách đại lý phân bón thuốc bảo vệ thực vật trên toàn quốc với hơn 2 ngàn đại lý lớn có uy tín sẵn sàng nhận sản phẩm của công ty chúng tôi, vì họ thấy ưu điểm mà phân này mang lại to lớn như thế nào cho con người và xã hội. Đó là những gì mà công ty chúng tôi đã liên lạc trong thời gian hơn 3 năm qua trên toàn quốc, thì đó là một thành quả bước đầu thể hiện sự cố gắng làm việc không mệt mỏi của từng thành viên trong công ty vì chúng tôi thấy được tiềm năng vô cùng lớn.

Hiện tại công ty chúng tôi cần một nguồn vốn vay ưu đãi từ phía các quý Ngân hàng để công ty chúng tôi xây dựng tiếp kế hoạch kinh doanh chiến lược về mọi mặt từ nhân sự, kho bãi, phương tiện giao nhận hàng, máy móc đóng gói bao bì, trang thiết bị văn phòng cũng như đội ngũ làm công tác trình diễn và Marketing,...nên công ty chúng tôi cần nguồn vốn để thực hiện. Do đó, hôm nay

kính xin quý Ngân hàng cho phép công ty chúng tôi được phép gửi bức thông điệp này đến toàn thể ban lãnh đạo Ngân hàng quan tâm, nghiên cứu, thẩm định và phê duyệt cho công ty chúng tôi được tiếp cận nguồn vốn vay từ phía Ngân hàng. Vì theo thông tin chúng tôi được biết Long An là tỉnh nông nghiệp nên việc chúng tôi xin vay vốn để phục vụ cho nông nghiệp thì rất được các cấp ngành trong đó có quý Ngân hàng đặc biệt quan tâm.

CHƯƠNG IV: KẾ HOẠCH KINH DOANH PHÂN HỮU CƠ VI SINH CỦA CÔNG TY TNHH PHÂN BÓN

...

IV.1. Kế hoạch kinh doanh

IV.1.1. Mục tiêu

Kế hoạch này nằm trong kế hoạch tung sản phẩm mới phân hữu cơ vi sinh của công ty TNHH Phân bón ... với mục tiêu đạt được doanh số 4 tỷ trong quý 1 năm 2011, phân phối rộng khắp trên toàn quốc.

IV.1.2. Sản phẩm

Sản phẩm phân hữu cơ vi sinh của công ty ... hết sức đa dạng, gồm: Dạng nước và Dạng bột.

Với mỗi dạng như vậy, sản phẩm được đóng gói thành nhiều loại khác nhau:

- Gói 0,5kg Giá: 40.000 VNĐ/gói
- Gói 1 kg Giá: 80.000 VNĐ/gói

IV.2. Chiến lược và chương trình hành động

- Đẩy hàng vào hệ thống phân phối
- Kéo hàng ra từ phía người tiêu dùng

IV.2.1. Tác động lên hệ thống phân phối

- Đối tượng tác động: nhà phân phối, nhà bán lẻ
- Tác động lên lợi nhuận của người bán hàng (khuyến mãi, thưởng doanh số,...)
- Những hoạt động:
 - + Chiết khấu
 - + Thưởng doanh số, thưởng SKU
 - + Tặng hàng mẫu
 - + Trưng bày

- + Hội nghị khách hàng
- + Vật phẩm hỗ trợ bán hàng (POSM)

IV.2.2. Tác động lên người tiêu dùng

- PR: Thuyết phục khách hàng bằng những lợi ích chức năng của sản phẩm: chiết xuất từ thiên nhiên, tăng độ mùn cho đất, giảm thiểu sâu bệnh,...
- ATL: Nhấn vào lợi ích của sản phẩm để khách hàng thấy được đây là sản phẩm sạch và tốt cho sức khỏe, có lợi cho đất, không hại môi trường, làm cho chắc quả, nặng hạt, năng suất cao
- Event: - Hội nghị khách hàng tung sản phẩm mới
- Họp báo tung sản phẩm mới

IV.3. Kiểm soát

- Doanh số:
 - + Theo thời gian (tuần, tháng)
 - + Theo khu vực
 - + Theo kênh
- Thương hiệu
 - + Số cửa hàng có kinh doanh
 - + Hình ảnh của sản phẩm tại shop, siêu thị
 - + Hình ảnh thương hiệu tại shop, siêu thị

IV.4. Kế hoạch dự phòng

- Nếu môi trường kinh tế giảm sức mua: Giảm ngân sách Trade Marketing nhưng ngân sách Brand phải giảm trước
- Nếu có thay đổi trong môi trường Trade Marketing (sản phẩm có vấn đề,...)
 - + Tăng cường lực lượng Trade Marketing nội bộ
 - + Làm các chương trình ngắn hạn để nâng cao hình ảnh, thương hiệu công ty
 - + Xây dựng kế hoạch và huấn luyện về xử lý khủng hoảng

CHƯƠNG VI: TỔNG ĐỊNH MỨC VỐN ĐẦU TƯ

VI.1. Cơ sở pháp lý lập tổng mức đầu tư

Tổng mức vốn đầu tư cho dự án được lập dựa trên các phương án trong hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án và các căn cứ pháp lý sau đây:

- Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế giá trị gia tăng;
- Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành Nghị định số 123/2008/NĐ-CP;
- Thông tư 130/2008/TT-BTT ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp.
- Nghị định số 148/2004/NĐ-CP ngày 23/07/2004 sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 158/2003/NĐ-CP;
- Thông tư số 02/2007/TT-BXD ngày 14/2/2007. Hướng dẫn một số nội dung về: lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; giấy phép xây dựng và tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng kèm theo Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng;
- Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/06/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Các văn bản khác của Nhà nước liên quan đến lập Tổng mức đầu tư, tổng dự toán và dự toán công trình.

VI.2. Tổng định mức vốn đầu tư ban đầu

VI.2.1. Tổng chi phí đầu tư xây lắp và máy móc trang thiết bị

Tổng mức vốn đầu tư dự án mở rộng quy mô kinh doanh được lập căn cứ vào quy mô dự án và tham khảo các giá thị trường.

Bảng 1: Tổng Chi Phí Đầu Tư (ĐVT:1.000đ)

Lãi và vốn gốc được trả theo từng quý, lãi suất quý là 4,5%/quý, thời hạn vay vốn là 8 quý, Kế hoạch trả lãi và vốn gốc theo từng quý, thời gian bắt đầu trả lãi và vốn gốc là quý III/2011.

CHƯƠNG VII: PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

VII.1. Phân tích hiệu quả tài chính:

➤ *Phân tích doanh thu:*

$NPV = 2,001,731,000 \text{ đ}$ (Hai tỷ một triệu bảy trăm ba mươi một ngàn đồng).

$IRR = 37\%$

$T_{hv} = 5$ năm (bao gồm cả năm đầu tư)

Qua quá trình hoạch định, phân tích và tính toán cụ thể các chỉ số tài chính và kết quả cho thấy dự án mang tính khả thi rất cao, đem lại lợi nhuận cho các nhà đầu tư, ngân hàng trong niềm tin dự án có khả năng sinh lợi nhuận cao, trả nợ vay đúng tiến độ và thu hồi vốn nhanh hơn sự kỳ vọng của doanh nghiệp đã đề ra.

VII.2. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội

Dự án đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh phân bón có nhiều tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế xã hội. Đóng góp vào sự phát triển và tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân nói chung và của khu vực miền Nam nói riêng: Nhà nước/ địa phương có nguồn thu ngân sách từ Thuế GTGT, Thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Tạo ra công ăn việc làm cho người lao động và thu nhập cho chủ đầu tư;

Không chỉ tiềm năng về mặt thị trường ở lĩnh vực chăn sóc sức khỏe, dự án còn rất khả thi qua các thông số tài chính như $NPV = 2$ tỷ đồng ; Suất sinh lời nội bộ là:

$IRR = 37\%$; thời gian hoà vốn sau 5 năm. Điều này cho thấy dự án mang lại lợi

nhuận cao cho nhà đầu tư, niềm tin lớn khi khả năng thanh toán nợ vay cao và thu hồi vốn đầu tư nhanh. Thêm vào đó, dự án còn đóng góp rất lớn cho ngân sách Nhà Nước.

CHƯƠNG VIII: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

VIII.1. KẾT LUẬN

Dự án đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh phân bón của công ty ... đáp ứng được nhu cầu và lợi ích kinh tế - xã hội, về mặt tài chính rất khả thi thông qua kế hoạch vay vốn sử dụng vốn, chi phí đầu tư, chi phí hoạt động và nguồn doanh thu có căn cứ có cơ sở dựa vào phân tích điều kiện kinh tế tình hình thị trường trong và ngoài nước.

Dự án đầu tư mở rộng qui mô kinh doanh phân bón sẽ đem lại nguồn lợi nhuận tối ưu cho chủ đầu tư và đồng thời đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội trong nước nói chung, và phát triển ngành nói riêng.

VIII.2. KIẾN NGHỊ

Căn cứ kết quả nghiên cứu thị trường, kết quả phân tích tài chính chúng tôi có đủ căn cứ cơ sở để đánh giá dự án này rất khả thi với suất sinh lợi $IRR = 37\%$ thời gian hoàn vốn là 5 năm.

Về mặt xã hội, dự án đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh phân bón của Công Ty ... có đóng góp to lớn sự phát triển nền kinh tế trong nước, đẩy mạnh sự phát triển kinh tế và chất lượng của ngành nông nghiệp.

Kiến nghị Ngân hàng hỗ trợ lãi xuất ngân hàng trong thời gian thực hiện dự án, tạo điều kiện về các thủ tục cấp phép cho Công ty ... thực hiện dự án trong thời gian sớm nhất. Dự án này có liên quan mật thiết đến sự phát triển kinh doanh của Công ty ..., kính đề nghị các cấp có thẩm quyền sớm xem xét phê duyệt dự án để làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo.